

QUYẾT ĐỊNH
CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚ

Về việc ban hành tạm thời tập định mức dự toán về công tác vệ sinh và dịch vụ đô thị

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚ

Căn cứ luật tổ chức HĐND và UBND các cấp ban hành ngày 21-6-1994;

Xét tờ trình số 105/TT ngày 15-9-1995 của Sở Xây dựng kèm theo biên bản của Hội đồng thẩm định mức dự toán tỉnh;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Trong khi chờ đợi các quy định về định mức của Nhà nước, UBND tỉnh ban hành tạm thời tập định mức về dự toán công tác vệ sinh và dịch vụ đô thị.

Tập định mức dự toán tạm thời này được dùng làm cơ sở cho việc lập kế hoạch lao động, lập đơn giá, lập dự toán và thanh quyết toán về công tác vệ sinh môi trường, các hoạt động dịch vụ đô thị thuộc địa bàn thành phố Việt Trì.

Điều 2: Giao Sở Tài chính vật giá chủ trì cùng Sở Xây dựng, Ban Tổ chức chính quyền, UBND thành phố Việt Trì trên cơ sở, nhu cầu, khả năng huy động kinh phí và điều kiện cụ thể: xác định phạm vi mức độ công việc cần tiến hành (như đoạn đường phải quét rác, đoạn đường nào chỉ gom rác, đường nào phải tưới nước, mức độ tưới.v.v...) từ đó lập kế hoạch lao động, dự toán kinh phí, trang thiết bị phục vụ.

Điều 3: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Việt Trì, Thủ trưởng các Sở, Ngành: Xây dựng, Tài chính vật giá, Lao động thương binh xã hội, Ban Tổ chức chính quyền, Công ty Quản lý và Dịch vụ đô thị Việt Trì, các ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Tập định mức dự toán tạm thời về công tác vệ sinh môi trường và quản lý công trình đô thị
(Ban hành kèm theo quyết định số 2190/QĐUB ngày 14 tháng 11 năm 1995 của UBND tỉnh Vĩnh Phú)

PHẦN I
THUYẾT MINH VÀ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

Định mức dự toán công tác vệ sinh và dịch vụ công trình đô thị và định mức kinh tế kỹ thuật, quy định mức hao phí cần thiết về vật liệu, lao động và máy thi công để hoàn thành 1 đơn vị khối lượng công việc trong công tác vệ sinh đô thị, công tác quản lý công viên cây xanh, công tác chiếu sáng công cộng.

1. Nội dung định mức dự toán bao gồm:

Mức hao phí vật liệu: Là mức quy định về sử dụng số lượng vật liệu và dụng cụ lao động, cần cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác vệ sinh Đô thị và dịch vụ công trình đô thị.

Mức hao phí lao động: Là mức quy định về sử dụng ngày công lao động trực tiếp để thực hiện một đơn vị khối lượng công tác vệ sinh đô thị và dịch vụ công trình đô thị.

Mức hao phí xe máy: Là mức quy định về số ca máy trực tiếp phục vụ để hoàn thành 1 đơn vị khối lượng công tác vệ sinh đô thị và dịch vụ công trình đô thị đối với các công việc không làm hoàn toàn bằng thủ công.

2. Kết cấu định mức dự toán:

Định mức dự toán công tác vệ sinh đô thị và dịch vụ công trình được trình bày theo nhóm, loại công tác và được mã hoá thống nhất.

Mỗi loại định mức dự toán được trình bày tóm tắt gồm có thành phần công việc và định mức.

Định mức dự toán được xác định theo nguyên tắc sau:

a. Mức hao phí vật liệu:

Tính theo đơn vị đo lường thống nhất và đơn vị tính còn được xác định phù hợp để thực hiện công tác đó (kg, lít, cái)

b. Mức hao phí lao động:

Được tính bằng số ngày công cấp bậc bình quân của thang lương công nhân 7 bậc, nhóm III, bảng lương A8 của Nghị định 26/CP ngày 23/5/1993.

c. Mức hao phí xe máy:

Được tính bằng số lượng ca xe máy sử dụng.

3. Quy định áp dụng:

Tập định mức dự toán về công tác vệ sinh và dịch vụ công trình đô thị thống nhất áp dụng để lập kế hoạch lao động và tiền lương, lập đơn giá, làm cơ sở để lập, thẩm tra, xét duyệt dự toán và quyết toán khối lượng công tác vệ sinh đô thị và dịch vụ công trình đô thị làm căn cứ giao khoán trả lương sản phẩm cho công nhân.

Trường hợp phát sinh những loại công việc mà yêu cầu kỹ thuật và điều kiện làm việc khác với quy định trong định mức đô thị này phải lập định mức đơn giá trình duyệt kịp thời để vận dụng.

Hiện nay Bộ Xây dựng chưa ban hành định mức dự toán cho chuyên ngành vệ sinh và quản lý dịch vụ đô thị. Tập định mức dự toán này được sử dụng để ký hợp đồng kinh tế giao nhận thầu và thanh quyết toán công trình cho công tác vệ sinh và dịch vụ đô thị.

Trong quá trình thực hiện, cần theo dõi, phát hiện những bất hợp lý để kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung và hoàn chỉnh tập định mức với cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung và hoàn chỉnh tập định mức dự toán công tác vệ sinh đô thị và dịch vụ công trình đô thị.

CHƯƠNG I
CÔNG TÁC VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

I. Công tác quét, gom rác mặt đường vỉa hè:

1. Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, trang thiết bị phòng hộ lao động.

Quét lòng đường, hè phố sạch sẽ theo đúng yêu cầu quy định của kỹ thuật.

Thu gom rác theo giờ quy định.

Hót sạch rác, đất trên lòng đường, vỉa hè vận chuyển đổ đến địa điểm quy định.

Bảo đảm an toàn giao thông.

Vệ sinh bảo quản dụng cụ lao động.

2. Định mức hao phí:

Đơn vị tính: 1000m²

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Loại đường			Ghi chú
			I	II	III	
1-01	+ Nhân công:					
	Bậc thợ bình quân 4, 0/7	công	0,27	0,32	0,395	
	+ Vật liệu:					
	- Chổi tre 1,2m	cái	0,03	0,03	0,03	
	- Chổi tre 0,8m	cái	0,025	0,025	0,025	
	- Xẻng	cái	0,0025	0,0025	0,0025	
	- Cán chổi	cái	0,01	0,01	0,01	
	- Cán xẻng	cái	0,0025	0,0025	0,0025	
	- Khoá xe	cái	0,0002	0,0002	0,0002	
	- Xích khoá xe	cái	0,00025	0,00025	0,00025	
	- Xe gom rác	cái	0,0005	0,0005	0,0005	
	- Dây thép buộc	kg	0,0008	0,0008	0,0008	

II. Gom rác bằng xe gom đổ đến địa điểm quy định

1. Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng, trang bị phòng hộ

Hót rác, đất, phế thải trên đường, hè, trong thùng rác và xe gom theo lịch trình quy định, vận chuyển đến địa điểm quy định. Cự ly 1 km.

Vệ sinh thu cất dụng cụ.

2. Định mức hao phí:

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1-01	+ Nhân công:			
	Bậc thợ bình quân 4, 0/7	công	4	
	+ Vật liệu:		0,025	
	- Xăng	cái	0,025	
	- Cán xăng	cái	0,3	
	- Chổi tre	cái	0,3	
	- Cán chổi	cái	0,006	
	- Cào	cái	0,012	
	- Xe gom rác	cái	0,005	
	- Xích khoá xe	cái	0,01	
	- Khoá xe	cái	0,003	
	- Dây thép buộc	kg	0,012	

III. Vận chuyển rác đổ nơi quy định

1. Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, trang thiết bị phòng hộ lao động.

Xúc rác lên xe, đảm bảo kỹ thuật, an toàn người, phương tiện.

Thu dọn vệ sinh sạch sẽ điểm tập trung rác, lòng hè, lòng đường.

Thu dọn vệ sinh sạch sẽ điểm tập trung rác, lòng hè, lòng đường xung quanh điểm tập trung rác trước khi xe cuối cùng chuyển bánh.

Đổ rác đúng nơi quy định với cự ly vận chuyển 15km/lượt.

Thu dọn, vệ sinh cất giữ, bảo quản dụng cụ.

2. Định mức hao phí.

Đơn vị tính: 1m³ rác, đất.

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1-03	+ Nhân công:			
	Bậc thợ bình quân 4,	công	0,50	Đối với rác

	5/7	công	0,60	Đối với đất cát via hè
	+ Vật liệu:			
	- Chổi tre	cái	0,125	
	- Cán chổi	cái	0,083	
	- Cán xẻng, cào, dĩa	cái	0,093	
	- Cào sắt	cái	0,020	
	- Dĩa	cái	0,010	
	- Dao tông	cái	0,002	
	- Dây thép buộc	kg	0,002	
	- Xe máy: Xe C. dùng 3m ³	ca	0,1	Đối với rác
	- Xe vận tải 5 tấn	ca	0,1	Đối với đất, cát

IV. San cào bãi rác:

1. Thành phần công việc

Nhận việc, kiểm tra an toàn bãi rác, chỉ dẫn xe đổ rác về máy ủi.

San, cào rác làm phẳng mặt bằng.

Lĩnh vôi bột, thuốc trừ muỗi về bãi rác vôi bột, phun thuốc trừ muỗi toàn bãi rác theo đúng yêu cầu quy định.

Nhặt rác tưới nước chống bụi trên đường vào bãi.

Vệ sinh dụng cụ lao động sau khi làm việc.

2. Định mức hao phí:

Đơn vị tính: 1m³ rác

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Số lượng		Ghi chú
			San cào thủ công	San cào T.công + ủi	
1-04	+ Nhân công:				
	Bạc thợ bình quân 4, 0/7	công	0,050	0,025	
	- Máy				
	- Máy ủi DT 75	ca		0,0035	
	- Vật liệu				